TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 09/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 18-12-2017
V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Kiên Ngọc Minh
2. Ông Đặng Thế Nghiệp

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa* :** Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017. Về tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXXST – HN ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim C, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Bị đơn: Anh Phan Trường V, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có lý do)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Bà Trần Thị N, sinh năm 1957 (vắng mặt có lý do)
2/ Ông Phan Văn H, sinh năm 1953 (vắng mặt có lý do)
3/ Anh Phan Trường K, sinh năm 1982 (vắng mặt có lý do)
4/ Chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1985 (vắng mặt có lý do)
Cùng địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

5/ Anh Phạm Tuấn K, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt có lý do)

6/ Ngân hàng N chi nhánh huyện L, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện: Ông Mai Đăng T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện L, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Võ Thị Kim C là nguyên đơn trình bày: Chị và anh V do tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý đi đến hôn nhân vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A theo quy định của pháp luật, nữ trang cưới có 10 chỉ vàng 24Kra, số vàng này vợ chồng thống nhất bán để trả nợ Ngân hàng cho anh V hiện nay không còn. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình bên anh V, thời gian này chị công tác tại Trại giam Công an tỉnh Trà Vinh, anh V thì công tác tại Cơ sở giáo dục B. Do công việc mỗi người một nơi cuối tuần mới về nên không có mâu thuẫn. Đến cuối năm 2007 chị xin chuyển công tác về Công an huyện L và sống chung với gia đình bên chồng. Năm 2009 vợ chồng cất nhà riêng tại ấp B, xã A trên phần đất của cha mẹ chồng, khi ra riêng thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V quá ghen tuông, khi uống rượu vào thì anh có những lời nói xúc phạm danh dự chị và dùng vũ lực với chị, anh nói xấu chị trước mặt bạn bè đồng nghiệp, từ đó chị không còn tình cảm gì với anh V, chị với anh V đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đi đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Phan Võ Kim N, sinh ngày 16/4/2007 hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu xem xét nguyện vọng của con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Nếu con sống với anh V thì chị đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đồng và ngược lại nếu con sống với chị thì chị yêu cầu anh V cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Gồm có 01 căn nhà tường xây dựng trên phần đất của cha mẹ chồng, thuộc thửa đất 275, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.620m^2, loại đất thổ quả do bà Trần Thị N đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất; 01 xe Exiter biển số 84-L1-154.90 hiệu Yamaha do anh V đứng tên, nhà và xe hiện anh V đang quản lý; 01 xe SH 125 biển số 84-H1-186.43 nhãn hiệu Honda do chị C đứng tên và xe này chị đã bán cho anh Phạm Tuấn K; Phần nữ trang cưới 10 chỉ vàng 24Kra đã bán trả nợ Ngân hàng cho anh V. Về tài sản chung chị và anh V tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Chị rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung.

Về nợ chung : Nợ chị Nguyễn Thị Anh T 4.5 chỉ vàng 24Kra, nợ ngân hàng N chi nhánh L số tiền vốn và lãi tính đến ngày 08/11/2017 là 86.024.000đồng. Chị và anh V tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Tại các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Trường V trình bày: Anh có lời trình bày thống nhất với chị Cương về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng nhau và đã ly thân từ tháng 01 năm 2017. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: Phan Võ Kim N, sinh ngày 16/4/2007 hiện đang sống chung với chị C. Sau khi ly hôn anh yêu cầu xem xét theo nguyện vọng của con, nếu con sống với chị C, thì anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh V và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Nợ chị Nguyễn Thị Anh T 4.5 chỉ vàng 24Kra, nợ ngân hàng N chi nhánh L số tiền vốn và lãi tính đến ngày 08/11/2017 là 86.024.000đồng. Anh và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Theo bản khai cháu Phan Võ Kim N trình bày: Sau khi chị C và anh V ly hôn nguyện vọng cháu ở với chị C.

Theo bản khai bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn H có cùng trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của anh V, phần đất mà vợ chồng anh V cất nhà ở là đất do bà N đứng tên quyền sử dụng, đất này chỉ cho vợ chồng anh V cất nhà ở nhờ chứ không cho luôn. Sau khi anh V ly hôn, ông H bà N tiếp tục cho anh V ở nhờ trên phần đất này.

Theo bản khai anh Phan Trường K trình bày : Anh V là anh ruột thứ hai của anh, nhà của anh V cất trên phần đất của gia đình anh, phần đất do mẹ anh (bà N) đứng tên, nay do ông H bà N quyết định anh không có ý kiến gì.

Theo bản khai chị Nguyễn Thị Anh T trình bày : Vợ chồng anh V chị C có nợ của chị 4.5 chỉ vàng 24Kra, nay chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án ly hôn này.

Theo bản khai anh Phạm Tuấn K trình bày : Ngày 30/6/2017 anh có mua của chị C chiếc xe Honda SH 125 màu trắng đen, biển số 84H1-168.43 với giá 40.000.000đồng, hợp đồng mua bán có công chứng, hiện nay anh là chủ sở hữu hợp pháp.

Theo ông Mai Đăng T trình bày : Phía Ngân hàng N chi nhánh L đã làm việc với anh V và anh V cam kết nhận trách nhiệm trả nợ vay là 86.000.000đồng cùng lãi từ quỹ tiền lương cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, nay phía Ngân hàng không khởi kiện trong vụ án ly hôn này.

Vị đại điện Viện kiểm sát nhân dân huyện L trình bày quan điểm cho rằng : Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo

về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân gia đình, Luật Tố tụng Dân sự và các quy định pháp luật có liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C; Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị C với anh V; Về con chung Phan Võ Kim N, sinh ngày 16/4/2007 giao cho chị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu không xem xét. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia tài sản chung do chị C rút yêu cầu.Về án phí đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp không nộp hoặc miễn nộp.

Tại phiên tòa chị C là nguyên đơn có mặt; Anh V là bị đơn, ông H, bà N, anh K, chị Anh T, anh K và phía Ngân hàng N chi nhánh L (do ông T đại diện) là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đương sự có mặt tại phiên tòa không bổ sung thêm chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với anh V. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị C và anh V có nơi cư trú (chỗ ở) tại ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện L có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Trường V là bị đơn; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N, ông Phan Văn H, anh Phan Trường K, chị Nguyễn Thị Anh T, anh Phạm Tuấn K, Ngân hàng N chi nhánh L (do ông Mai Đăng T đại diện); Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh V đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 28/4/2006; Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1

Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị C với anh V là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn : Theo chị C cho rằng do anh V hay ghen tuông, dùng lời lẽ xúc phạm danh dự chị trước bạn bè đồng nghiệp và hành hun chị. Theo anh V thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên cự cãi, từ đó mà cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị C và anh V đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị C và anh V phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này, cho chị C và anh V được ly hôn với nhau.

[6] Về con chung: Chị C và anh V thừa nhận cháu Phan Võ Kim N, sinh 16/4/2007 là con chung của anh chị, hiện tại cháu N đang sống với chị C và chị C vẫn chăm sóc chu đáo mọi mặt cho cháu N, theo bản khai ngày 12 tháng 10 năm 2017 thể hiện nguyện vọng của cháu N muốn được sống chung với chị C. Ý kiến của chị C và anh V cũng đồng ý xem xét theo nguyện vọng của cháu N. Do đó để đảm bảo cháu N có cuộc sống ổn định về tư tưởng, chổ ở, sinh hoạt cuộc sống hằng ngày, cũng như việc đến lớp học hành. Xét thấy sau khi ly hôn nên giao chị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu N mỗi tháng 2.000.000đồng, ý kiến anh V chỉ thống nhất cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng. Xét thấy anh V không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Về mức cấp dưỡng nếu chị C và anh V không thỏa thuận được thì căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh V và nhu cầu thiết yếu để đảm bảo cho cháu N, cũng như chi phí ăn học cho cháu. Hiện chị C và anh V đều có công việc và thu nhập ổn định, tuy nhiên anh V thì hàng tháng còn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, để đảm bảo cho cháu N được duy trì việc học hành, nên buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng, cấp dưỡng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi là phù hợp quy định tại Điều 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về tài sản chung: Chị C và anh V đều thống nhất tài sản chung gồm có 01 căn nhà tường xây dựng trên một phần của thửa đất 275, tờ bản đồ số 04, do bà Trần Thị N đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất; 01 xe Exiter biển số 84-L1-154.90 hiệu Yamaha do anh V đứng tên; 01 xe SH 125 biển số 84-H1-186.43 nhãn hiệu Honda do chị C đứng tên và xe này chị đã bán cho anh Phạm Tuấn K; phần nữ trang cưới 10 chỉ vàng 24Kra đã bán trả nợ Ngân hàng cho anh V. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ngày 10/11/2017 chị C có đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung do chị và anh V đã thỏa thuận xong, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị C về việc yêu cầu chia tài sản chung.

[9] Về nợ chung: Chị C và anh V thừa nhận có nợ chị Anh T 4.5 chỉ vàng 24 Kra, nợ ngân hàng N chi nhánh L số tiền vốn và lãi tính đến ngày 08/11/2017 là 86.024.000đồng. Do chị Anh T; Ngân hàng N chi nhánh L có bản khai thể hiện ý kiến không yêu cầu giải quyết số nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung do chị C rút lại yêu cầu nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh V phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị Kim C.

Về hôn nhân : Chị Võ Thị Kim C và anh Phan Trường V được ly hôn.

2/ Về con chung : Chị Võ Thị Kim C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Võ Kim N, sinh ngày 16/4/2007.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con : Buộc anh Phan Trường V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phan Võ Kim N mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi.

4/ Về tài sản chung : Chị Võ Thị Kim C và anh Phan Trường V tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị C về việc yêu cầu chia tài sản chung .

5/ Về nợ chung : Nợ chị Nguyễn Thị Anh T 4.5 chỉ vàng 24 Kra, nợ ngân hàng N chi nhánh L số tiền vốn và lãi tính đến ngày 08/11/2017 là 86.024.000đồng.

Do chị Anh T, Ngân hàng N chi nhánh L không yêu cầu giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

6/ Về án phí sơ thẩm : Chị Võ Thị Kim C phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0010437 nộp ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L được khấu trừ vào số tiền án phí mà chị C phải chịu, do đó chị C không phải nộp.

Đối với số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0010438 nộp ngày 27 tháng 9 năm 2017 và 437.000đồng (Bốn trăm ba mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0012632 nộp ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L được trả lại cho chị Võ Thị Kim C.

Anh Phan Trường V phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

"Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ".

Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6 , 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKS huyện L;
-Chi cục THADS;
-UBND xã A;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Thanh